

Bản án số: 117/2023/HS-PT
Ngày 20/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 120/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích D (tên gọi khác là V), do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Bích D (tên gọi khác là V), sinh ngày 29/9//1992, tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H; có chồng Lý Thành N và 01 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/3/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Triệu Phương Tr, Nguyễn Thị Thùy D1, Phan Thị G, Huỳnh Thị Kiều Nh, Lê Hoàng S, Lê Nhật L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích D kinh doanh bán quán cà phê TV tại khóm 1, Phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Trước đây từng hành nghề bán dâm cùng với Triệu Phương Tr nên biết được nhu cầu của những người cần mua dâm. Trong thời gian bán quán nước, Tr đến liên hệ với D để khi có khách cần mua dâm thì D giới thiệu cho gặp Tr thỏa thuận việc mua bán dâm, mỗi lần Tr đi khách thì D nhận tiền hoa hồng là 50.000 đồng.

Vào ngày 17/01/2023, thông qua sự giới thiệu của Tr, Nguyễn Thị Thùy D1 và Phan Thị G đến gặp D tại quán cà phê TV, thỏa thuận mỗi lần D1 và G đi khách thì trả tiền hoa hồng cho D 50.000 đồng như Tr. Khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, có người khác nam (không xác định họ tên) đến quán TV uống cà phê thì gặp D, do có nhu cầu mua dâm nên người khách hỏi D “ở đây có em út gì không”, D trả lời “hôm nay có 02 người mới”, người nam hỏi D giá bao nhiêu, D nói “giá 400.000 đồng”, người khách này đồng ý nên D kêu G đi cùng với khách nam qua nhà nghỉ NT (thuộc khóm 1, Phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) để bán dâm. Khi qua nhà nghỉ NT, G thuê phòng thực hiện việc mua bán dâm. Sau khi bán dâm xong, G trực tiếp nhận tiền của khách, trả tiền thuê phòng 50.000 đồng, rồi quay về quán TV đưa cho D 50.000 đồng và ở lại tại quán của D. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, tiếp tục có một khách nam đến quán của D kiếm người mua dâm thì gặp G, hai bên thỏa thuận giá mua bán dâm là 400.000 đồng, sau khi đồng ý thì G cùng người khách nam qua nhà nghỉ NT tiếp tục thuê phòng bán dâm, khi bán dâm xong G tiếp tục đưa cho D 50.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ ngày, D ở phía trước quán thì có khách nam đến quán, do D đã nói giá bán dâm cho D1 biết, nên khi khách nam vào thì D1 tự trao đổi với khách mua dâm, sau khi thỏa thuận xong, D1 cùng với khách nam đi qua nhà nghỉ NT để bán dâm cho khách, khi bán dâm xong D1 lấy tiền trực tiếp từ khách mua dâm, tự trả tiền phòng và đưa cho D 50.000 đồng.

Đối với Triệu Phương Tr, cũng trong ngày 17/01/2023, Tr bán dâm cho khách hai lần và hai lần bán dâm này Tr đưa cho D 100.000 đồng (mỗi lần là 50.000 đồng), còn việc Tr bán dâm cho khách, Tr cũng thuê phòng tại nhà nghỉ NT.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, D có việc đi ra ngoài, do D đã thỏa thuận với G, D1, Tr từ trước nên khi D đi ra ngoài thì tại quán cà phê có khách vào, G, D1 và Tr vẫn tiếp tục bán dâm.

Đến khoảng gần 20 giờ cùng ngày, Lê Nhật L và Lê Hoàng S đến quán của D. Tại đây, L và S trao đổi với G, D1 về việc mua bán dâm, sau khi thống nhất giá 400.000 đồng thì G, D1 cùng với L và S qua nhà nghỉ NT. Sau đó, G và S vào phòng số 02, còn D1 và L vào phòng số 05 của nhà nghỉ NT để mua bán dâm thì bị Đội điều tra tổng hợp và Công an Phường 1 thuộc Công an thị xã N kiểm tra phát hiện, tiến hành lập biên bản vi phạm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ điểm d, d khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn

Thị Bích D phạm tội “Môi giới mại dâm”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 13/9/2023, bị cáo D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên căn cứ Điều 54 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể được xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo 03 năm 06 tháng tù là quá cao; bị cáo là trụ cột chính của gia đình, con còn nhỏ, cha mẹ già cần người chăm sóc, hoàn cảnh gia đình khó khăn; từ trước đến nay bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Đến ngày 11/11/2023, bị cáo D có đơn kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo, cũng với các lý do như đã trình bày trong đơn kháng cáo trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày quan điểm: Kháng cáo của bị cáo D là hợp pháp. Về nội dung kháng cáo của bị cáo D, các lý do mà bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là không có căn cứ, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo cũng tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo ngày 13/9/2023 của bị cáo Nguyễn Thị Bích D đảm bảo về hình thức và nội dung kháng cáo, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đơn kháng cáo bổ sung ngày 11/11/2023 của bị cáo cũng đảm bảo đúng quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định: Bị cáo D kinh doanh bán quán cà phê TV tại khóm 1, Phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Trước đây, D từng hành nghề bán dâm cùng với Triệu Phương Tr nên biết được

nhu cầu của những người cần mua dâm. Trong thời gian bán quán nước, Tr đến liên hệ, thỏa thuận với D khi nào có khách cần mua dâm thì D giới thiệu cho Tr, mỗi lần Tr đi khách thì D nhận tiền hoa hồng là 50.000 đồng, đồng thời thông qua sự giới thiệu của Tr, vào ngày 17/01/2023, Nguyễn Thị Thùy D1 và Phan Thị G cũng đến gặp D tại quán cà phê thỏa thuận mỗi lần D1 và G đi bán dâm thì trả tiền hoa hồng cho D 50.000 đồng như Tr. Trong ngày 17/01/2023, D môi giới cho G bán dâm cho khách 02 lần thu lợi 100.000 đồng, môi giới cho D1 bán dâm cho khách 01 lần thu lợi 50.000 đồng, Tr bán dâm 02 lần đưa cho D 100.000 đồng, địa điểm bán dâm tại nhà nghỉ NT. Đến khoảng 20 giờ ngày 17/01/2023, Công an thị xã N kiểm tra nhà nghỉ NT thì phát hiện D1 bán dâm cho Lê Nhật L và G bán dâm cho Lê Hoàng S nên đã lập biên bản vi phạm. Trong quá trình điều tra, D thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

[3] Như vậy, bị cáo D đã môi giới nhiều lần, cho nhiều người mua bán dâm đã đủ yếu tố cấu thành tội môi giới mại dâm, thuộc tình tiết định khung tăng nặng *“Phạm tội 02 lần trở lên”*, *“Đối với 02 người trở lên”* theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo D phạm tội môi giới mại dâm, theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo D về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy khi quyết định hình phạt, Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại tiền thu lợi bất chính theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo cho rằng từ trước đến nay bị cáo chưa có tiền án, tiền sự là đúng, đây là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cấp sơ thẩm chưa xem xét, áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt là có thiếu sót, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là trụ cột chính của gia đình, con của bị cáo còn nhỏ, cha mẹ bị cáo thì già cần người chăm sóc, đối chiếu với quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì đây không phải là tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự thì theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể được xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này”*, còn bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên không đủ điều kiện để được xem xét, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Mặt khác, Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo

03 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, về yêu cầu xin giảm hình phạt của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, mặc dù bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nhưng bị cáo lại bị truy tố, xét xử với tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên (tức phạm tội nhiều lần), bị cáo bị xử phạt tù trên 03 năm, nên căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện để cho hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo này.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“Trường hợp chỉ bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo kháng cáo quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm thì người kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm”*. Như vậy, bị cáo D là người kháng cáo quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm và cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[8] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích D (tên gọi khác là V), về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích D (tên gọi khác là V) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bị bắt đi chấp hành án.

3. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích D (tên gọi khác là V) phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- VKSND TX. Ngã Năm (01);
- TAND TX. Ngã Năm (02);
- CQCSĐT - Công an TX. Ngã Năm (01);
- CQTHAHS - Công an TX. Ngã Năm (01);
- Chi cục THADS TX. Ngã Năm (01);
- Bị cáo (01);
- Ph. KTNV&THATAND T. Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Lâm